

Số: /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 35/CV-GPMT-ASAMA ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam”;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam địa chỉ tại một phần lô CN 10, đường N6, đường số 4 và đường số 5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN 10, đường N6, đường số 4 và đường số 5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3702399503 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 5 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3232266044 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2015, chứng nhận đăng ký điều chỉnh lần thứ 1 ngày 13 tháng 7 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3702399503.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất xe đạp, xe đạp điện, phụ tùng xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện các loại (Không thực hiện công đoạn xi mạ).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại một phần lô CN 10, đường N6, đường số 4 và đường số 5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích địa điểm thực hiện dự án 100.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng công trình của Dự án:

+ Các hạng mục công trình: Kho tổng: 7.200 m² (diện tích sàn xây dựng: 14.400 m²); Xưởng hàn: 7.200 m² (diện tích sàn xây dựng: 14.400 m²); Xưởng phun sơn: 7.200 m² (diện tích sàn xây dựng: 14.400 m²); Xưởng lắp ráp + đóng gói: 7.200 m² (diện tích sàn xây dựng: 14.400 m²); Nhà xưởng 1: 6.720 m² (diện tích sàn xây dựng: 13.440 m²); Nhà xưởng 2: 6.720 m² (diện tích sàn xây dựng: 13.440 m²); Nhà xưởng 3: 6.720 m² (diện tích sàn xây dựng: 13.440 m²); Kho hóa chất: 120 m²; Kho pin: 108 m²; Nhà văn phòng: 1.163,99 m² (diện tích sàn xây dựng: 2.328 m²); Nhà nghỉ ca 1: 1.134,43 m² (diện tích sàn xây dựng: 3.403,3 m²); Nhà ăn công nhân (1000 chỗ) + Nhà xe (2000 xe): 1.740 m² (diện tích sàn xây dựng: 5.220 m²); Nhà bảo vệ 1: 37,24 m²; Nhà bảo vệ 2: 30 m²; Nhà xe ô tô: 155,36 m²; Nhà nghỉ ca 2: 688 m² (diện tích sàn xây dựng: 2.064 m²); Nhà ăn công nhân (500 chỗ) + Nhà xe (500 xe): 840 m² (diện tích sàn xây dựng: 2.520 m²); Nhà bảo vệ 3: 30 m²; Hồ PCCC1: 300 m²; Hồ PCCC2: 288 m²; Trạm điện 1: 24 m²; Trạm điện 2: 40 m²; Cột cờ: 24 m².

+ Các công trình bảo vệ môi trường: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp; Kho chứa chất thải nguy hại; Kho chứa chất thải sinh hoạt; Hệ thống xử lý nước thải; Hệ thống xử lý khí thải

+ Đất cây xanh: 21.910,44 m²;

+ Đất giao thông sân bãi: 21.870,54 m².

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → Gia công cơ khí → Hàn → Xử lý bề mặt (1) → Sơn AC (2)/Sơn tĩnh điện (3) → Sấy → (4)/(5).

(4) Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm (khung xe).

(5) Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm (xe đạp, xe đạp điện).

(1) Khung xe → Tẩy dầu mỡ trước → Tẩy dầu mỡ chính → Rửa nước lần 1 → Rửa nước lần 2 → Xử lý phospho → Rửa nước lần 3 → Rửa nước lần 4 → Sấy khô → Chuyển qua quy trình sơn.

(2) Khung xe đã xử lý bề mặt → Sơn lót → Sấy → Sơn giữa → Sấy → Sơn phủ → Sấy → Dán tem → Sấy → Sơn bóng kim → Sấy.

(3) Khung xe đã xử lý bề mặt → Sơn tĩnh điện → Sấy → Kiểm tra.

- Quy mô công suất sản xuất của dự án: 700.000 sản phẩm/năm, bao gồm:

+ Xe đạp, xe đạp điện: 200.000 sản phẩm/năm;

+ Phụ tùng xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện các loại: 500.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhằm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày tháng 01 năm 2024 đến ngày tháng 01 năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Asama Japan International Việt Nam;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- Cổng Thông tin điện tử BQL các KCN Bình Dương (đăng tải công khai);
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (Th).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Văn Phong

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 01 năm
2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sóng Thần 3 để xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường.

Văn bản chấp thuận đơn xin đầu nối hạ tầng kỹ thuật số 185/TB-ĐN ngày 29 tháng 08 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đại Nam.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị
quan trắc nước thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh kho tổng được thu gom bằng các đường ống HDPE D200mm về 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16,63 m³/bể.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh các nhà xưởng sản xuất được thu gom bằng các đường ống HDPE D200mm về 06 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16,63 m³/bể.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nhà văn phòng được thu gom bằng các đường ống HDPE D200mm về 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16,63 m³/bể.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ nhà vệ sinh nhà nghỉ ca 1 được thu gom bằng các đường ống HDPE D200mm về 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 16,63 m³/bể.

Tổng lưu lượng của nước thải sinh hoạt của nguồn số 01, 02, 03, và 04 khoảng 55,85 m³/ngày. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ hoạt động xử lý bề mặt với lưu lượng khoảng 15,8 m³/ngày được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4 với lưu lượng khoảng 3,4 m³/ngày được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải sản xuất từ HTXL khí thải từ công đoạn xử lý bề mặt với lưu lượng khoảng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom theo đường ống HDPE D200mm về hệ thống xử lý nước thải công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, 02, 03, 04) → Bể tự hoại → (1)

Nước thải sản xuất (nguồn số 05, 06, 07) → Hồ ga tách vẩn sơn/cặn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → (2)

(1) + (2) → Bể điều hòa tập trung → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể chứa → Bồn lọc cát/than → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Sóng Thần 3 tại 01 điểm trên đường số 4.

- Công suất thiết kế: $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H_2SO_4 , PAC, Polymer, Javen, Cát, Than.

- Tọa độ vị trí điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp: X = 1220682; Y = 604347.

(Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công trình ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

+ Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng

quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

+ Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

+ Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ thông báo với KCN về tình trạng, đóng van cửa xả sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố. Trường hợp chưa thể khắc phục ngay thì phải tạm ngưng sản xuất khi nào khắc phục xong, nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi mới đưa vào hoạt động trở lại.

+ Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải.

+ Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải: 200 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tại các vị trí khác của HTXL theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Sóng Thần 3.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Sóng Thần 3, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Sóng Thần 3 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư khu công nghiệp Sóng Thần 3 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.8. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.9. Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan theo quy định.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màng nước 1;
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màng nước 2;
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màng nước 3;
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màng nước 4;
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ 01 buồng sơn tĩnh điện;
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn xử lý bề mặt (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1220725; Y = 604515).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4 (nguồn số 02, 03, 04, 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1220668; Y = 604539).

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý bụi từ 01 buồng sơn tĩnh điện (nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1220799; Y = 604563).

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau sơn (nguồn số 07), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1220689; Y = 604612).

(Tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45', múi 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (Theo đề nghị và cam kết của Công ty):

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.00 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.00 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 35.00 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, chỉ xả khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT áp dụng cột B, $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$ và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01			06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	NaOH	mg/Nm ³	-		
3	H ₃ PO ₄	mg/Nm ³	-		
II	Dòng khí thải số 02, 04				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	Butyl acetate	mg/Nm ³	950		
III	Dòng thải số 03				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	180		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt được thu gom bằng chụp hút và hệ thống đường ống vào hệ thống xử lý (tháp hấp thụ dung dịch NaOH) và thoát ra ngoài qua ống thải (D=0,7m; H=16m).

- Nguồn số 02, 03, 04 và 05: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4 được dẫn qua màng nước, và hệ thống đường ống vào hệ thống xử lý (tháp hấp phụ than hoạt tính) và thoát ra ngoài qua ống thải (D=0,6m; H=16m).

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ 01 buồng sơn tĩnh điện được thu gom bằng hệ thống đường ống vào hệ thống xử lý (thiết bị lọc bụi filter → cyclone) và thoát ra ngoài qua ống thải (D=0,3m; H=14m).

- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau sơn được thu gom bằng chụp hút và hệ thống đường ống vào hệ thống xử lý (tháp hấp phụ than hoạt tính) và thoát ra ngoài qua ống thải ($D=0,9\text{m}$; $H=16\text{m}$).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn xử lý bề mặt (tương ứng nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải \rightarrow Chụp hút, hệ thống ống dẫn \rightarrow Tháp hấp thụ dung dịch NaOH \rightarrow Quạt hút \rightarrow Ống thải.

- Công suất thiết kế: $18.000\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Thông số kỹ thuật:

+ Chụp hút: Kích thước: $R = 0,5\text{ m}$.

+ Tháp hấp thụ: Kích thước: $D \times H = 1,5\text{m} \times 4\text{m}$; Vật liệu: Inox.

+ Bể chứa nước: Kích thước: $L \times W \times H = 0,5\text{m} \times 0,5\text{m} \times 0,5\text{m}$.

+ Bơm tuần hoàn: Công suất: 1 Hp.

+ Quạt hút: Lưu lượng: $18.000\text{ m}^3/\text{giờ}$, công suất: 20 Hp.

+ Ống thải: Cao 16 m, đường kính 0,7 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4 (tương ứng nguồn số 02, 03, 04 và 05):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải \rightarrow Buồng sơn màng nước \rightarrow Chụp hút, hệ thống ống dẫn \rightarrow Tháp hấp phụ than hoạt tính \rightarrow Quạt hút \rightarrow Ống thải.

- Công suất thiết kế: $25.000\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Thông số kỹ thuật:

+ Buồng sơn màng nước: Kích thước: $L \times W \times H = 4\text{m} \times 3\text{m} \times 3\text{m}$, số lượng: 04 buồng.

+ Tháp hấp phụ than hoạt tính: Kích thước: $L \times W \times H = 4,5\text{m} \times 1,7\text{m} \times 3,15\text{m}$; Vật liệu: Tôn tráng kẽm.

+ Quạt hút: Lưu lượng: $25.000\text{ m}^3/\text{giờ}$, công suất: 40 Hp.

+ Ống thải: Cao 16 m, đường kính 0,6 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi từ 01 buồng sơn tĩnh điện (tương ứng nguồn số 06):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn \rightarrow Thiết bị lọc bụi filter \rightarrow Cyclone \rightarrow Quạt hút \rightarrow Ống thải.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

- + Thiết bị lọc bụi filter: Kích thước: L×W×H = 2m×0,84m×1,4m; Số lượng lõi lọc filter nhựa: 8 lõi, kích thước lõi lọc: Ø320mm, H = 900mm.

- + Cyclone: Kích thước: D×H = 1,3m×3,6m.

- + Quạt hút: Lưu lượng: 8.000 m³/giờ

- + Ống thải: Cao 14 m, đường kính 0,3 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau sơn (tương ứng nguồn số 07):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, hệ thống ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 35.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

- + Chụp hút: Kích thước: L×W = 1m×1m.

- + Tháp hấp phụ than hoạt tính: Kích thước: L×W×H = 4m×1,5m×1,5m; Vật liệu: Thép CT3.

- + Quạt hút: Lưu lượng: 35.000 m³/giờ, công suất: 40 Hp.

- + Ống thải: Cao 16 m, đường kính 0,9 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

- + Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

- + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử

dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn xử lý bề mặt, công suất 18.000 m³/giờ (dòng khí thải số 01)

- Hệ thống xử lý khí thải từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4, công suất 25.000 m³/giờ (dòng khí thải số 02)

- Hệ thống xử lý bụi từ 01 buồng sơn tĩnh điện, công suất 8.000 m³/giờ (dòng khí thải số 03)

- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau sơn, công suất 35.000 m³/giờ (dòng khí thải số 04)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn xử lý bề mặt (dòng khí thải số 01).	X = 1220725; Y = 604515.
2	Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4 (dòng khí thải số 02).	X = 1220668; Y = 604539.
3	Tại ống thải của hệ thống xử lý bụi từ 01 buồng sơn tĩnh điện (dòng khí thải số 03).	X = 1220799; Y = 604563.
4	Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sấy sau sơn (dòng khí thải số 04).	X = 1220689; Y = 604612.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', vĩ độ 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có

trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.9. Thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của HTXL nước thải.
- Nguồn số 02: Quạt hút của HTXL khí thải từ công đoạn xử lý bề mặt
- Nguồn số 03: Quạt hút của HTXL khí thải phát sinh từ buồng sơn màng nước 1, 2, 3 và 4.
- Nguồn số 04: Quạt hút của HTXL bụi phát sinh từ 01 buồng sơn tĩnh điện.
- Nguồn số 05: Quạt hút của HTXL khí thải phát sinh từ công đoạn sấy sau sơn.
- Nguồn số 06: Hoạt động máy móc, thiết bị khu vực xưởng hàn.
- Nguồn số 07: Hoạt động máy móc, thiết bị khu vực xưởng phun sơn.
- Nguồn số 08: Hoạt động máy móc, thiết bị khu vực xưởng lắp ráp, đóng gói.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1220682; Y = 604347.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1220725; Y = 604515.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1220668; Y = 604539.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1220799; Y = 604563.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1220689; Y = 604612.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1220791; Y = 604553.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1220775; Y = 604604.
- Nguồn số 08: Tọa độ X = 1220801; Y = 604573.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	≤70	≤55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	≤ 70	≤ 60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn;

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết. Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ;

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân;

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Thành phần rác thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	100
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	15
3	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	5
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	5
5	Dầu thải	17 06 01	Lỏng	50
6	Bavia kim loại lẫn dầu	07 03 11	Rắn	12.099
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	100
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	217
9	Bao bì kim loại chứa thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	166
10	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	03 01 08	Rắn	5.000
11	Linh kiện điện hỏng	19 02 05	Rắn	8.102
12	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	4.896
	Tổng cộng			30.754

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng chất thải rắn (kg/năm)
1	Kim loại thừa, vụn kim loại	133.085
2	Phụ tùng, linh kiện hỏng không chứa thành phần nguy hại	229.211
3	Giấy vụn, bao bì giấy hư hỏng	100
4	Bao bì các loại không dính các tạp chất chứa thành phần nguy hại	1.000
	Tổng cộng	363.396

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	193.596
TỔNG KHỐI LƯỢNG		193.596

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy, được dán nhãn phân loại; nhóm chất lỏng được chứa trong các can, phuy hóa chất, dầu nhớt thải, tại các khu vực đều có dán nhãn mã số CTNH theo quy định với từng loại chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: Kho lưu chứa có diện tích 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có kết cấu móng đổ bê tông cốt thép, tường bao bằng gạch, nền tráng xi măng chống thấm và mái lợp tôn, có gờ bao xung quanh tránh chất thải nguy hại rò rỉ ra môi trường xung quanh, đồng thời kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại. Bên trong kho chứa được trang bị dụng cụ PCCC, các thùng chứa cát, xẻng xúc để phòng ngừa, ứng phó sự cố có thể xảy ra tại kho lưu chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải công nghiệp thông

thường phù hợp với từng loại chất thải

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 290 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có mái che, có tường che chắn xung quanh tránh nắng, mưa, hạn chế chất thải phát tán ra bên ngoài.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy và bên trong lót bao nylon.

Xung quanh nhà xưởng, văn phòng được bố trí thùng chứa rác có dung tích 50L, 120L nhằm thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Hàng ngày, nhà thầu có chức năng theo hợp đồng vào nhà máy để thu gom, vận chuyển, xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa: Trang bị 2 thùng chứa 240 lít có nắp đậy, tập trung ở khu vực chứa chất thải sinh hoạt, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.